



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

---

# **THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG X/2015**



**HÀ NỘI, THÁNG XI/2015**

## LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo Khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: [son.nguyenhong@imh.ac.vn](mailto:son.nguyenhong@imh.ac.vn);

Webside: <http://www.imh.ac.vn>

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG X/2015 .....	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ .....	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ .....	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	8
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên .....	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG 10/2015 .....	13
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG XI, XII/2015 và THÁNG I/2016 .....	16
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....	17
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	17

# I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG X/2015

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng X/2015 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-1,8^{\circ}\text{C}$  đến  $1,4^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ  $-310\text{mm}$  đến  $368\text{mm}$  (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-65$  giờ đến  $41$  giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-9\%$  đến  $5\%$ ).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng X/2015 ở từng vùng của nước ta như sau:

## 1. Vùng Tây Bắc

### 1.1. Diễn biến nhiệt độ

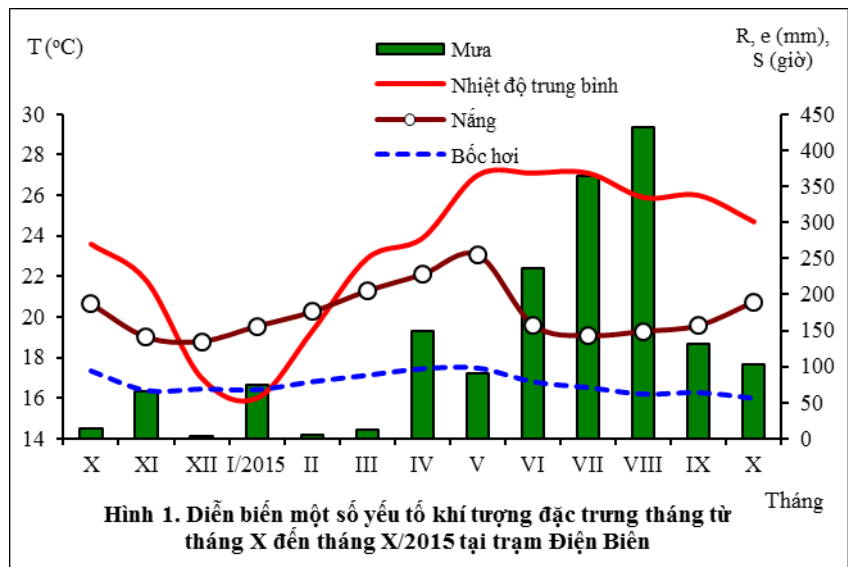
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ  $-0,9$  đến  $-0,4^{\circ}\text{C}$ ); với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ  $15,7^{\circ}\text{C}$  (Sìn Hồ) đến  $24,3^{\circ}\text{C}$  (Chi Nê) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ  $12,9^{\circ}\text{C}$  đến  $21,3^{\circ}\text{C}$ , giá trị thấp nhất là  $8,1^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 26/X tại Sìn Hồ, đây là giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất toàn quốc.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $20,0^{\circ}\text{C}$  (Sìn Hồ) đến  $29,2^{\circ}\text{C}$  (Mường Lay, Sông Mã và Hòa Bình), giá trị cao nhất là  $35,0^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào các ngày 02/X tại Mường Tè và 03/X tại Mường Lay. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng X đến tháng X/2015 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

### 1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng X/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2015 tại trạm Điện Biên

TBNN (-115mm đến -28mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 16mm đến 159mm, cao nhất là 162mm tại Kim Bôi.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 6mm đến 54mm, cao nhất là 77mm vào ngày 17/X tại Chi Nê và Lạc Sơn.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 đến 11 ngày, cao nhất là 12 ngày tại Kim Bôi và Chi Nê. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng X đến tháng X/2015 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

### ***1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Số giờ nắng tháng X/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -37 giờ đến -15 giờ); giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 113 giờ đến 163 giờ, cao nhất là 168 giờ (Hòa Bình) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng X/2015 dao động từ 77% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -6% đến -3%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 21% xảy ra vào ngày 08/X tại Than Uyên.

- Tổng lượng bốc hơi tháng X/2015 có giá trị phổ biến từ 47mm đến 87mm, cao nhất là 96mm tại Sông Mã và Bắc Yên. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-85mm đến -80mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 3 - 7mm.

### ***1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió tây khô nóng xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày là 1 ngày và có cường độ nhẹ.

## **2. Vùng Việt Bắc**

### ***2.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nền nhiệt độ không khí tháng X/2015 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ  $-1,8^{\circ}\text{C}$  đến  $-0,4^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ  $13,8^{\circ}\text{C}$  (Sa Pa) đến  $25,2^{\circ}\text{C}$  (Vĩnh Yên);

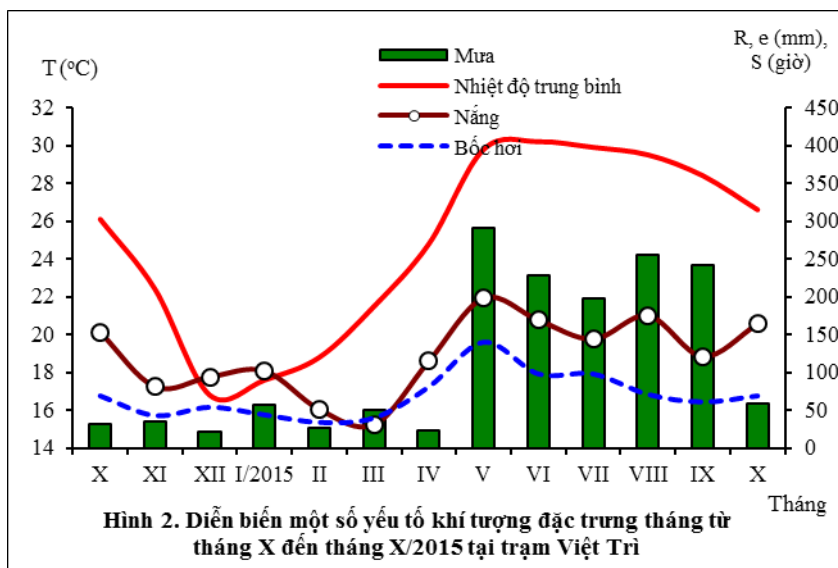
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ  $11,8^{\circ}\text{C}$  (Sa Pa) đến  $22,4^{\circ}\text{C}$  (Vĩnh Yên), nhiệt độ không khí thấp nhất là  $8,6^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 26/X tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ  $17,1^{\circ}\text{C}$  (Sa Pa) đến  $29,4^{\circ}\text{C}$  (Chiêm Hóa và Vĩnh Yên), nhiệt độ không khí cao nhất là  $35,7^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào

ngày 11/X tại Bắc Quang.

## 2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 25mm đến 134mm, cao nhất là 161mm tại Bắc Quang; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-223mm đến -31mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng X



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2015 tại trạm Việt Trì

đến tháng X/2015 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 9mm đến 43mm, cao nhất là 45mm xảy ra vào ngày 17/X tại Yên Bái. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 7 - 13 ngày, cao nhất là 16 ngày tại Sa Pa. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 22 ngày.

## 2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng X/2015 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 110 giờ đến 159 giờ, cao nhất là 160 giờ (Tuyên Quang), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-35 giờ đến 17 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng X/2015 phổ biến từ 76 đến 87%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-4% đến -3%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 25%, xảy ra vào ngày 07/X tại Mù Căng Chải.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 38mm đến 97mm, cao nhất là 100mm tại Thái Nguyên, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-114mm đến 57mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 6mm, cao nhất là 8mm xảy ra vào ngày 08/X tại Yên Bái.

## 2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có đông là 1 ngày;
- Mưa phùn xuất hiện 1 ngày duy nhất tại Hà Giang.

### 3. Vùng Đông Bắc

#### 3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -1,1 đến 1,1<sup>0</sup>C); có giá trị dao động từ 19,7<sup>0</sup>C (Trùng Khánh - Cao Bằng) đến 25,2<sup>0</sup>C (Uông Bí) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất

trung bình từ 25,7<sup>0</sup>C (Trùng Khánh) đến 30,8<sup>0</sup>C (Tiên Yên), giá trị nhiệt độ cao nhất là 35,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 13/X tại Hữu Lũng.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,0<sup>0</sup>C (Trùng Khánh) đến 22,4<sup>0</sup>C (Bãi Cháy), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 8,6<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 26/X tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

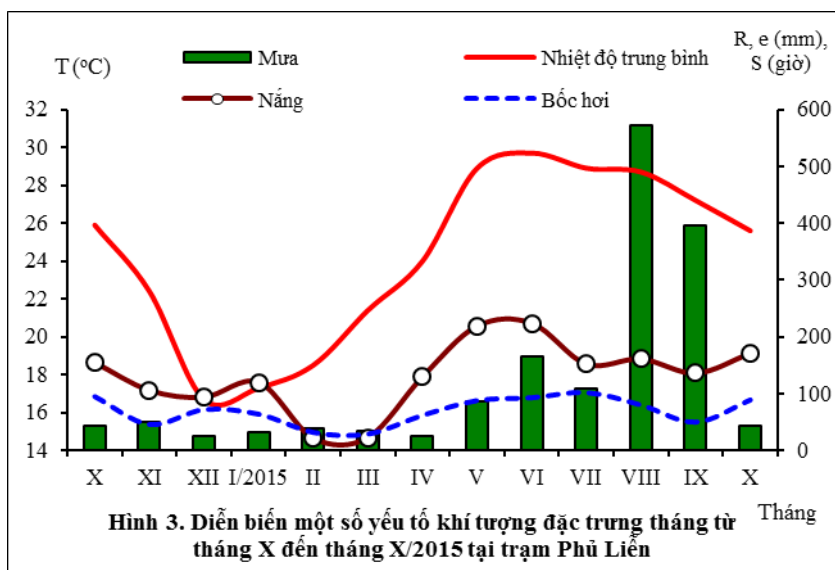
#### 3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng X/2015 dao động phổ biến từ 15mm đến 88mm, cao nhất là 93mm tại Trùng Khánh, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-138mm đến -38mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 6 đến 32mm, cao nhất là 37mm xảy ra vào ngày 18/X tại Trùng Khánh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 - 9 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 4 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 15 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

#### 3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng X/2015 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-37 giờ đến 30 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 109 giờ (Trùng Khánh) đến 171 giờ (Cửa Ông), cao nhất là 188 giờ tại Lạng Sơn.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2015 tại trạm Phù Liên

- Độ ẩm không khí trung bình tháng X/2015 ở các nơi dao động phổ biến từ 72 đến 86%, ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -8% đến -3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 18% xảy ra vào ngày 07/X tại Cao Bằng, đây là giá trị độ ẩm không khí thấp nhất toàn quốc.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 66mm đến 131mm, cao nhất là 136mm tại Bãi Cháy. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (24mm đến 116mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 8mm, cao nhất là 12mm xảy ra vào ngày 16/X tại Bãi Cháy, đây là giá trị lượng bốc hơi ngày cao nhất toàn quốc (hình 14).

### 3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất tại Hữu Lũng với số ngày có gió tây khô nóng là 1 ngày và có cường độ nhẹ;
- Đông xuất 1 ngày duy nhất tại Bắc Giang.

## 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

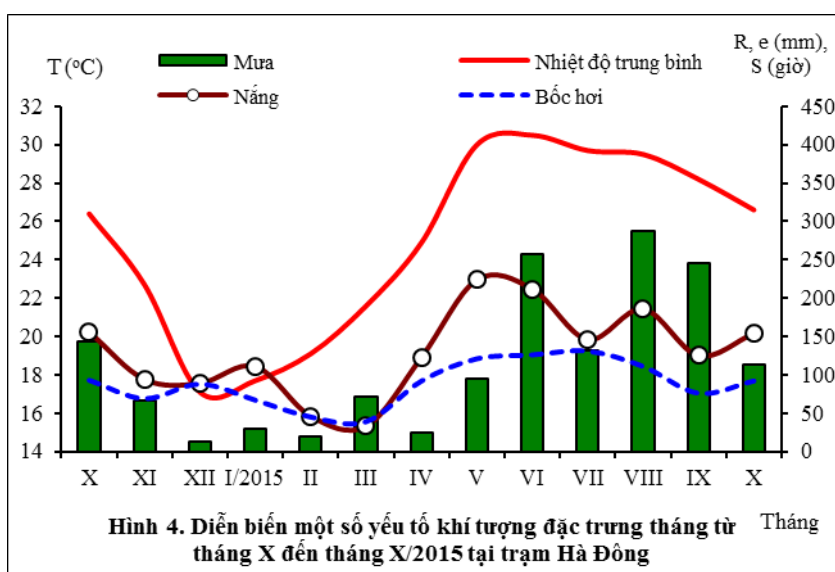
### 4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 23,8<sup>0</sup>C (Nam Định) đến 25,6<sup>0</sup>C (Láng), ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -1,1<sup>0</sup>C đến 1,0<sup>0</sup>C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 28,0<sup>0</sup>C (Hưng Yên) đến 29,6<sup>0</sup>C (Hải Dương), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 34,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 11/X tại Hải Dương;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 21,7<sup>0</sup>C (Ninh Bình) đến 23,0<sup>0</sup>C (Láng), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 17,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 26/X tại Hải Dương và Ninh Bình. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

### 4.2. Diễn biến về mưa



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2015 tại trạm Hà Đông

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-123mm đến -34mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 26mm đến 200mm, cao nhất là 229mm tại Văn Lý.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 4 đến 117mm, cao nhất là 124mm xảy ra vào ngày 17/X tại Văn Lý; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 06 đến 11 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 11 đến 13 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

#### ***4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Tổng số giờ nắng tháng X/2015 ở các nơi trong vùng dao động từ 122 giờ (Hung Yên) đến 145 giờ (Hà Đông), cao nhất là 149 giờ tại Hải Dương; có giá trị ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -56 giờ đến -21 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 73% (Láng) đến 81% (Văn Lý và Ninh Bình), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -9% đến -3%, hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 29% xảy ra vào các ngày 07/X tại Láng và Hà Đông, ngày 08/X tại Nho Quan và ngày 09/X tại Hung Yên.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 11mm (Hải Dương) đến 124mm (Hung Yên), cao nhất là 146mm tại Văn Lý; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 6 đến 9mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng từ -89mm đến 55mm.

#### ***4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Đông xuất hiện vài nơi trong vùng với số ngày có đông là 1 ngày;
- Mưa phùn xuất hiện 1 ngày duy nhất tại Hà Đông.

### **5. Vùng Bắc Trung Bộ**

#### ***5.1. Diễn biến nhiệt độ***

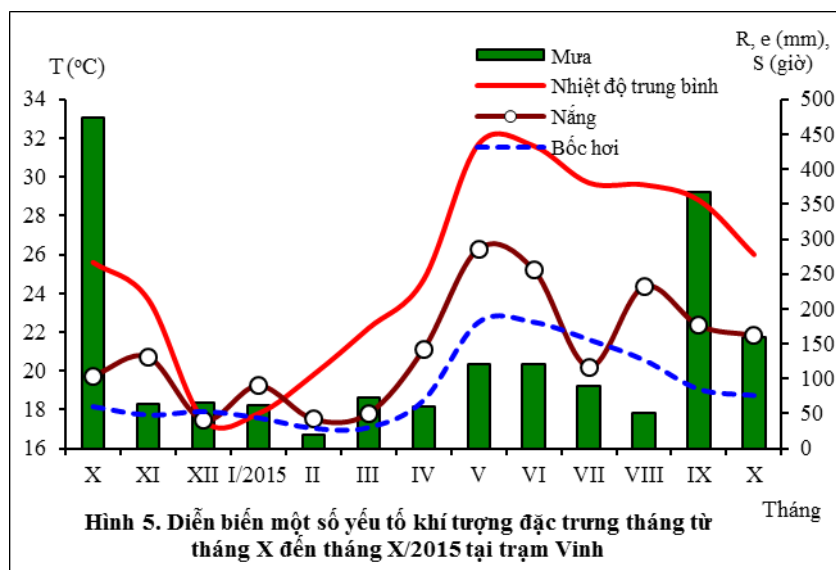
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ  $0,4^{\circ}\text{C}$  đến  $0,7^{\circ}\text{C}$  (hình 10) và có giá trị từ  $23,3^{\circ}\text{C}$  (Hồi Xuân) đến  $25,0^{\circ}\text{C}$  (Thanh Hóa).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $27,3^{\circ}\text{C}$  (Kỳ Anh) đến  $30,1^{\circ}\text{C}$  (Thanh Hóa), *giá trị nhiệt độ cao nhất là  $37,8^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 13/X tại Thanh Hóa, đây là giá trị nhiệt độ không khí cao nhất toàn quốc.*

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ  $20,4^{\circ}\text{C}$  (Hồi Xuân) đến  $22,4^{\circ}\text{C}$  (Thanh Hóa, Quỳnh Lưu, Vinh và Hà Tĩnh), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là  $15,1^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 26/X tại Quỳnh Châu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

## 5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng X/2015, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 81mm đến 743mm, cao nhất là 849mm tại Hương Khê. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-112mm đến 368mm) (hình 11).



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2015 tại trạm Vinh

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 22 đến 355mm, cao nhất là 402mm, xảy ra vào ngày 16/X tại Hương Khê.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 - 17 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 11 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 12 ngày. Biện trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

## 5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 78 (Kỳ Anh) đến 154 giờ (Tĩnh Gia), cao nhất là 157 giờ (Yên Định); tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -56 giờ đến -12 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 80% (Thanh Hóa) đến 90% (Hương Khê), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-8% đến -4%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 29% xảy ra vào ngày 08/X tại Như Xuân.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 43mm đến 99mm, cao nhất là 150mm tại Thanh Hóa, đây là giá trị tổng lượng bốc hơi tháng cao nhất toàn quốc; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 9mm, cao nhất là 12mm xảy ra vào ngày 07/X tại Thanh Hóa, cùng với Bãi Cháy đây là giá trị lượng bốc hơi ngày cao nhất toàn quốc. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-800mm đến -29mm).

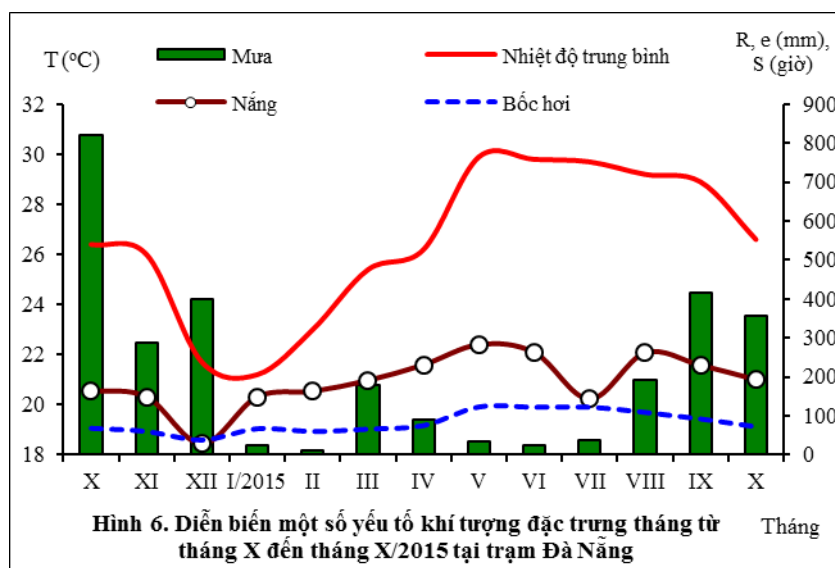
## 5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 4 ngày.

## 6. Vùng Trung Trung Bộ

### 6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng X/2015 từ 22,8<sup>0</sup>C (Khe Sanh) đến 26,0<sup>0</sup>C (Đà Nẵng), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-0,5<sup>0</sup>C đến -0,3<sup>0</sup>C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2015 tại trạm Đà Nẵng

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 26,6<sup>0</sup>C (Khe Sanh) đến 29,5<sup>0</sup>C (Quảng Ngãi), giá trị nhiệt độ cao nhất là 33,6<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 16/X tại Nam Đông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 20,9<sup>0</sup>C (Khe Sanh) đến 23,6<sup>0</sup>C (Đà Nẵng), giá trị nhiệt độ thấp nhất là 18,1<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 08/X tại Khe Sanh.

### 6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng X/2015 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 369mm đến 718mm, cao nhất là 922mm tại Trà My, đây là giá trị tổng lượng mưa tháng cao nhất toàn quốc. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -275mm đến 127mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 140 đến 392mm, cao nhất là 412mm xảy ra vào ngày 16/X tại Ba Đồn, đây là giá trị lượng mưa ngày lớn nhất toàn quốc.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 18 đến 24 ngày, cao nhất là 25 ngày tại Trà My; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 16 ngày, cao nhất là 20 ngày tại Trà My; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng X đến tháng X/2015 trên hình 6.

### 6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 78 giờ đến 135 giờ, cao nhất là 149 giờ tại Quảng Ngãi. Phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (-63 giờ đến -11 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 83% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 3% đến 5%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 08/X tại Ba Đồn.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 32mm đến 64mm, cao nhất là 72mm tại Đà Nẵng. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 6mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-890mm đến -297mm).

#### 6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 5 ngày.

### 7. Vùng Nam Trung Bộ

#### 7.1. Diễn biến nhiệt độ

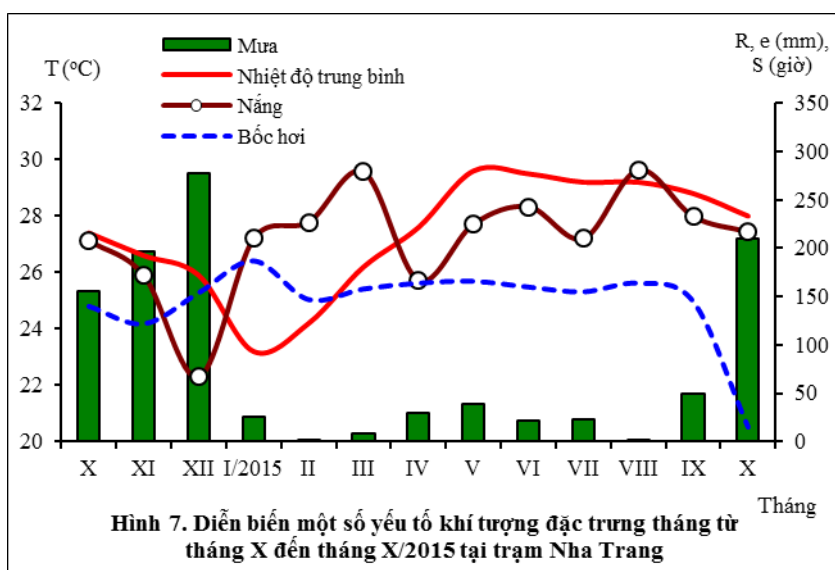
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng X/2015 từ 25,4<sup>0</sup>C (Hoài Nhơn) đến 27,3<sup>0</sup>C (Phú Quý), ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3<sup>0</sup>C đến 0,5<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,1<sup>0</sup>C (Hoài

Nhơn) đến 30,7<sup>0</sup>C (Phan Thiết), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 34,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 15/X tại Tuy Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,2<sup>0</sup>C (Hoài Nhơn) đến 25,4<sup>0</sup>C (Phú Quý), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,5<sup>0</sup>C, xảy ra vào ngày 25/X tại Hoài Nhơn và ngày 28/X tại Phan Rang. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng X đến tháng X/2015 được thể hiện trên hình 7.

#### 7.2. Diễn biến về mưa



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2015 tại trạm Nha Trang

- Trong tháng X/2015, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 106mm đến 429mm, cao nhất là 603mm tại Hoài Nhơn. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -310mm đến -34mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng X đến tháng X/2015 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 27mm đến 105mm, cao nhất là 131mm, xảy ra vào ngày 03/X tại Hoài Nhơn.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 11 đến 21 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 13 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 3 đến 12 ngày.

### **7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Tổng số giờ nắng tháng X/2015 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 118 giờ (Quy Nhơn) đến 224 giờ (Phú Quý), cao nhất là 230 giờ tại Phan Thiết, đây là giá trị tổng số giờ nắng tháng cao nhất toàn quốc; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-65 giờ đến 31 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 79% (Quy Nhơn) đến 86% (Hoài Nhơn), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -4% đến -3%, hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 50% xảy ra vào ngày 26/X tại Phan Rang.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 58mm đến 132mm, cao nhất là 144mm tại Nha Trang. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 8mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (từ -318mm đến -50mm).

### **7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Đông xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 5 ngày.

## **8. Vùng Tây Nguyên**

### **8.1. Diễn biến nhiệt độ**

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng X/2015 từ 18,1<sup>0</sup>C (Đà Lạt) đến 25,1<sup>0</sup>C (Ayunpa - Gia Lai); phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,3<sup>0</sup>C đến 0,9<sup>0</sup>C, hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,7<sup>0</sup>C (Đà Lạt) đến 29,7<sup>0</sup>C (Ayunpa); giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 32,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 16/X tại Ayunpa.

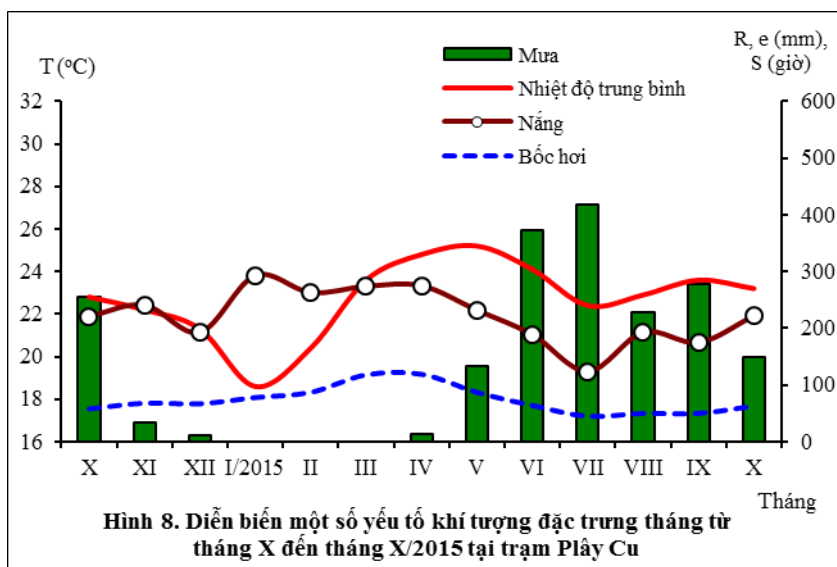
- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 15,2<sup>0</sup>C (Đà Lạt) đến 22,5<sup>0</sup>C (Ayunpa), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 11,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 28/X

tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng X đến tháng X/2015 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

### 8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng X/2015 dao động từ 123mm đến 325mm, cao nhất là 498mm tại Bảo Lộc. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -122mm đến 211mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 20mm đến 81mm, cao nhất là 145mm vào ngày 15/X tại Kon Tum. Số ngày



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2015 tại trạm Plây Cu

mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 10 đến 24 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 10 ngày, cao nhất là 12 ngày tại Đắk Nông, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 14 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng X đến tháng X/2015 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

### 8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng X/2015 phổ biến từ 132 giờ (Ayunpa) đến 186 giờ (Buôn Ma Thuột), cao nhất là 194 giờ tại Kon Tum. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (12 giờ đến 16 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -4% đến -3%), có giá trị phổ biến từ 78% (Kon Tum) đến 89% (Bảo Lộc); độ ẩm không khí thấp nhất là 45% xảy ra vào ngày 28/X tại Plây Cu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 38mm (Buôn Ma Thuột) đến 54mm (Ayunpa), cao nhất là 109mm tại Kon Tum. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 6mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-455mm đến -90mm).

### 8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 3 đến 9 ngày.

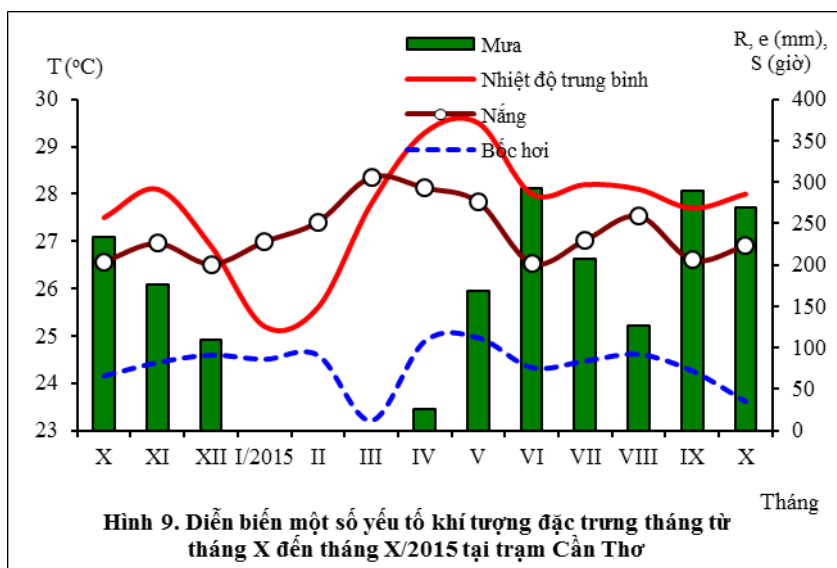
## 9. Vùng Nam Bộ

### 9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng X/2015 từ 25,9<sup>0</sup>C (Phước Long) đến 28,0<sup>0</sup>C (Mộc Hóa), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,4<sup>0</sup>C đến 1,4<sup>0</sup>C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,5<sup>0</sup>C (Rạch Giá) đến 33,0<sup>0</sup>C (Tân Sơn Nhất), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 34,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 24/X tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,1<sup>0</sup>C (Phước Long) đến 25,7<sup>0</sup>C (Mộc Hóa), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 27/X tại Đồng Phú. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng X đến tháng X/2015 tại trạm Cần Thơ.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2015 tại trạm Cần Thơ

### 9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng X/2015 dao động phổ biến từ 114mm đến 430mm, cao nhất là 466mm tại Đồng Phú. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-152mm đến 140mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 18mm đến 94mm, cao nhất là 145mm xảy ra vào ngày 13/X tại Đồng Phú.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 14 đến 24 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 19 ngày.

### 9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng X/2015 phổ biến từ 155 giờ (Tân Sơn Nhất) đến 216 giờ (Tây Ninh), cao nhất là 223 giờ tại Mộc Hóa; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-27 giờ đến 41 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 80% (Vũng Tàu) đến 88% (Phước Long), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN

(từ -7% đến 4%, hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 47% xảy ra vào các ngày 23/X tại Đồng Phú và ngày 28/X tại Mỹ Tho.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 15mm đến 96mm, cao nhất là 98mm tại Vũng Tàu (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-363mm đến -72mm).

#### ***9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất tại Tân Sơn Nhất với số ngày là 2 ngày, có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 4 đến 22 ngày.

## **II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG 10/2015**

Trong tháng 10/2015, điều kiện khí tượng nông nghiệp ở hầu hết các vùng trong cả nước tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Ở Miền Bắc, nền nhiệt, số giờ nắng cao thuận lợi thu hoạch lúa mùa và chuẩn bị đất cho cây vụ đông. Tháng X là tháng mưa cao điểm ở các tỉnh Miền Trung, lượng mưa và số ngày mưa tăng đáng kể gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Ở các tỉnh phía Nam do ảnh hưởng của triều cường và xâm nhập mặn đã làm nhiều diện tích lúa mùa ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ bị ngập úng.

Hoạt động của lĩnh vực trồng trọt trong tháng 10 chủ yếu là chăm sóc và thu hoạch lúa mùa, lúa thu đông trên phạm vi cả nước; Gieo trồng các loại cây hoa màu vụ Đông tại các địa phương phía Bắc. Các tỉnh miền Bắc tranh thủ thời tiết thuận lợi đã thu hoạch 835,6 ngàn ha lúa mùa, bằng 71,8% diện tích gieo cấy và bằng 95,6% so với cùng kỳ năm trước. Theo ước tính sơ bộ ban đầu của các tỉnh, năng suất lúa mùa các địa phương miền Bắc ước đạt trên 50 tạ/ha, tăng nhẹ so cùng kỳ; Sản lượng toàn miền ước đạt trên 5,84 triệu tấn, giảm khoảng 1% so vụ mùa 2014 do diện tích giảm 1,3%. Các tỉnh miền Nam đã thu hoạch lúa hè thu được khoảng 97% so với diện tích gieo cấy, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã kết thúc thu hoạch, diện tích thu hoạch đạt 1644,8 ngàn ha, đạt 98,7% so với diện tích gieo cấy, sản lượng ước đạt 10,422 ngàn tấn, tăng khoảng 18,1 ngàn tấn (+0,2%). Tiến độ sản xuất lúa mùa khá nhanh so với cùng kỳ năm trước, toàn miền đã xuống 687,4 ngàn ha lúa mùa, tăng 12,3% so với cùng kỳ

năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 313,7 ngàn ha, tăng 29% so với cùng kỳ năm trước.

## **2.1. Tình hình trồng trọt**

### **a. Cây lúa**

*Các tỉnh miền Bắc:* Tính đến trung tuần tháng 10, các tỉnh miền Bắc đã thu hoạch 835,6 ngàn ha lúa mùa, bằng 71,8% diện tích gieo cấy. Một số địa phương thuộc vùng đồng bằng sông Hồng đã thu hoạch khá nhanh gọn, gần như thu hoạch 100% diện tích gieo cấy như: Tp, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hà Nam và Ninh Bình. Nhìn chung, thu hoạch lúa mùa năm nay trong điều kiện thời tiết thuận lợi, tạo điều kiện giải phóng nhanh mặt bằng để tranh thủ gieo trồng cây vụ đông. Theo ước tính sơ bộ ban đầu của các tỉnh, năng suất lúa mùa các địa phương miền Bắc ước đạt trên 50 tạ/ha.

### *Các tỉnh miền Nam*

Lúa hè thu: Tính đến ngày 15/10/2015 các tỉnh miền Nam đã thu hoạch được 1876,2 ngàn ha chiếm 97% so với diện tích gieo cấy. Riêng vùng Đồng bằng sông Cửu long đã kết thúc thu hoạch, diện tích thu hoạch đạt 1644,8 ngàn ha, đạt 98,7% so với diện tích gieo cấy, sản lượng ước đạt 10,422 ngàn tấn, tăng khoảng 18,1 ngàn tấn (+0,2%). Lúa thu đông: Tính đến trung tuần tháng 10 các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống được 666,9 ngàn ha, cao hơn 0,4% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích lúa thu đông đã thu hoạch khoảng 300 ngàn ha, bằng 45% so với diện tích gieo trồng, bà con nông dân đang khẩn trương thu hoạch diện tích còn lại để đảm bảo đủ thời gian vệ sinh đồng ruộng, tránh dịch bệnh lây lan chuẩn bị cho vụ đông xuân năm 2016.

Lúa mùa: Nhìn chung tiến độ sản xuất lúa mùa năm nay khá nhanh so với cùng kỳ năm trước. Tính đến cuối tháng toàn miền cũng đã xuống 687,4 ngàn ha lúa mùa, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 313,7 ngàn ha, tăng gần 30% so với cùng kỳ năm trước. Một số địa phương gieo cấy lúa mùa sớm đã.

### **b. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp**

Nhờ thu hoạch lúa mùa nhanh nên tiến độ gieo trồng cây vụ đông 2013/2014 ở miền Bắc cũng nhanh hơn so với cùng kỳ năm trước. Các địa phương đã chủ động bố trí gieo trồng các cây màu hợp lý để kịp tiến độ thời vụ., diện tích gieo trồng đạt 222,1 ngàn ha, bằng 86,4% so với cùng kỳ năm trước. Do ảnh hưởng của đợt mưa những ngày cuối tháng 9 nên tính đến cuối tháng 10, các địa phương miền Bắc đã gieo trồng một số cây vụ Đông chậm hơn cùng kỳ

năm trước. Một số cây chủ lực như ngô đạt 100,1 ngàn ha, bằng 97,7%; khoai lang 16,9 ngàn ha, bằng 90,6%; đậu tương đạt 22,1 ngàn ha, bằng 77,1%; rau đậu các loại đạt 71,8 ngàn ha, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước.

Ở Mộc Châu, Ba Vì, Phú Hộ chè đang trong giai đoạn từ nảy chồi, lá thật 1 đến búp hái, trạng thái sinh trưởng trung bình;

Ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc các loại cây màu vụ đông đều có trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá;

Ở Bắc Trung Bộ lạc đang trong giai đoạn hình thành củ; đậu tương trong giai đoạn quả chín, trạng thái sinh trưởng khá;

Ở Tây Nguyên và Xuân Lộc cà phê đang trong giai đoạn quả chín, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến tốt

## **2.2. Bảo vệ thực vật**

Theo báo cáo của Cục Bảo vệ thực vật, tháng 10 hầu hết các loại dịch đều có dấu hiệu giảm so với cùng kỳ năm ngoái, điển hình là dịch rầy nâu hại lúa có diện tích giảm nhiều nhất, khô vằn hại lúa giảm 42.027 ha. Tại các tỉnh thuộc vùng Bắc Bộ và ĐBSCL một số loại dịch có diện tích hại tăng mạnh như: Diện tích nhiễm trùn sâu đục thân tăng 61.291 ha, lem lép hạt hại lúa tăng 5.426 ha, bọ trĩ hại lúa tăng 1.709 ha, các dịch còn lại như đạo ôn cổ bông hại lúa, chuột hại lúa, lùn sọc đen hại lúa có diện tích nhiễm bệnh dưới 1000 ha.

*Chi tiết một số sâu bệnh chính gây hại trên lúa trong tháng như sau:*

- Sâu cuốn lá nhỏ: Gây hại chủ yếu tại các tỉnh Bắc Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 16.470 ha, diện tích nhiễm nặng 1,914 ha.

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 18.196 ha, diện tích nhiễm nặng 948 ha, tập trung chủ yếu tại Bắc Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Bệnh đạo cổ bông: Tổng diện tích nhiễm 3.750 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 26 ha. Bệnh hại chủ yếu tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Bệnh đạo ôn lá: Gây hại ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 15.360 ha, nhiễm nặng 178 ha.

- Chuột: Tổng diện tích hại 8.325 ha, nặng 274 ha. Chuột hại tại các tỉnh Bắc Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Sâu đục thân: Diện tích nhiễm sâu non 7.698 ha; nặng 2.426 ha; mất trắng 1,5 ha (Bắc Kạn). Sâu non gây hại chủ yếu tại Bắc Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích nhiễm 11.181 ha; nặng 1.132 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh Bắc Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 12.010 ha; Nhiễm nặng 273 ha tập trung tại Bắc Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Khô vằn hại lúa: Bệnh xuất hiện ở tất cả các tỉnh Phía Bắc và Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích 130.960 ha. Nhiễm nặng 14.094 ha.

- Nhện gié hại lúa: Tổng diện tích nhiễm 750,2 ha, rải rác tại các tỉnh Bắc Bộ, phía Nam.

- Ốc bươu vàng hại lúa: Diện tích hại 9.878 ha, trong đó nhiễm nặng 31 ha. Diện tích nhiễm tập trung tại một số tỉnh Phía Nam.

Các đối tượng dịch hại khác như: bọ trĩ, bọ xít dài, bọ xít đen... gây hại nhẹ trên phạm

### **III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG XI, XII/2015 và THÁNG I/2016**

#### ***3.1. Nhiệt độ***

Trong 3 tháng tới, nhiệt độ có khả năng hụt chuẩn ở Lào Cai, Kon Tum và Gia Lai với xác suất từ 66 đến 77%. Khả năng cận đến vượt chuẩn của nhiệt độ có thể xảy ra trên đa phần diện tích cả nước với xác suất từ 66 đến 77%. Chuẩn sai của nhiệt độ chủ yếu dao động từ 0 đến 1°C trên đa phần diện tích cả nước; một số nơi có khả năng vượt chuẩn trên 1oC như Điện Biên, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Đắk Nông và Bình Phước.

#### ***3.2. Lượng mưa***

Trong ba tháng tới, lượng mưa có khả năng hụt chuẩn ở Tây Bắc, Việt Bắc và Nghệ An với xác suất từ 66% đến trên 77%. Khả năng cận đến vượt chuẩn của lượng mưa có khả năng xảy ra trên đa phần diện tích cả nước với xác suất từ 66% tới trên 77%. Chuẩn sai của lượng mưa dao động từ -200 đến 0mm trên đa phần diện tích phía Bắc (từ Hà Tĩnh trở ra); từ 0 đến 400mm trên đa phần diện tích phía Nam (từ Thừa Thiên Huế trở vào), một số nơi thuộc khu vực Nam Trung Bộ có khả năng vượt chuẩn trên 400mm.

#### ***3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)***

Theo kết quả thống kê trung bình mùa 3 tháng XI, XII, I thời kỳ 1971 – 2000, có khoảng 2-3 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và 1-2 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam.

Theo kết quả dự báo của Đại học Tổng hợp Luân Đôn (Anh) ngày 7/V/2015, số XTNĐ hoạt động trên khu vực Tây Bắc TBD trong năm 2015 có khả năng ở xấp xỉ trung bình nhiều năm (1965-2012).

Theo trung bình của thời kỳ 1971 – 2000 thì trong 3 tháng XI, XII, I số đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam là khoảng 11-12 đợt.

#### **IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng IX, trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng X/2015 và dự báo khí hậu 3 tháng XI, XII/2015 và tháng I/2016 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

##### **1. Miền Bắc**

- Tập trung thu hoạch lúa mùa sớm và trung vụ;
- Tập trung làm đất gieo trồng rau màu và các cây vụ đông: ngô, đậu tương, khoai tây, khoai lang;
- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt đối với bệnh lùn sọc đen và sâu cuốn lá nhỏ;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

##### **2. Miền Trung**

- Tập trung thu hoạch lúa mùa và làm đất gieo trồng các cây vụ đông;
- Tập trung khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét, sạt lở đất ở những khu vực miền núi và những nơi có địa hình dốc cao.

##### **3. Miền Nam**

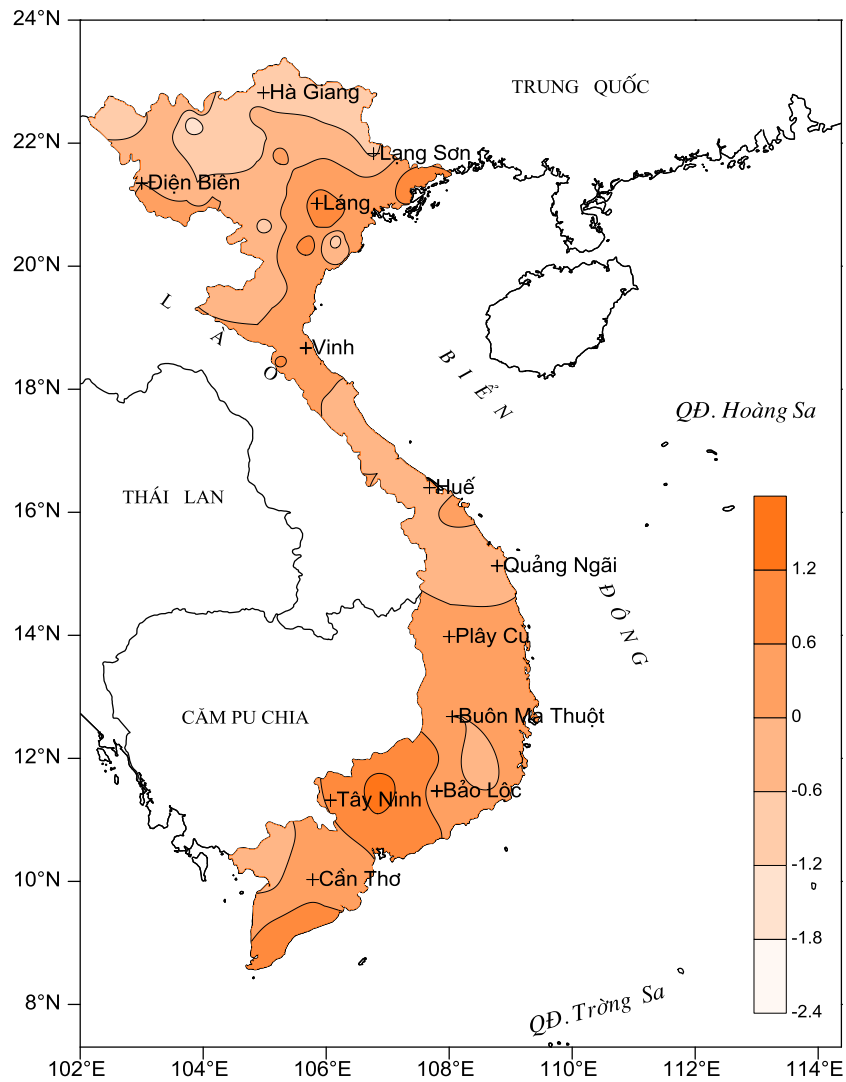
- Tập trung chăm sóc lúa mùa;
- Tăng cường các biện pháp chống úng do mưa bão và triều cường;
- Diệt trừ các loại sâu hại lúa đặc biệt là rầy nâu, bệnh đạo ôn, sâu cuốn lá nhỏ và bệnh lem lép hạt.

#### **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

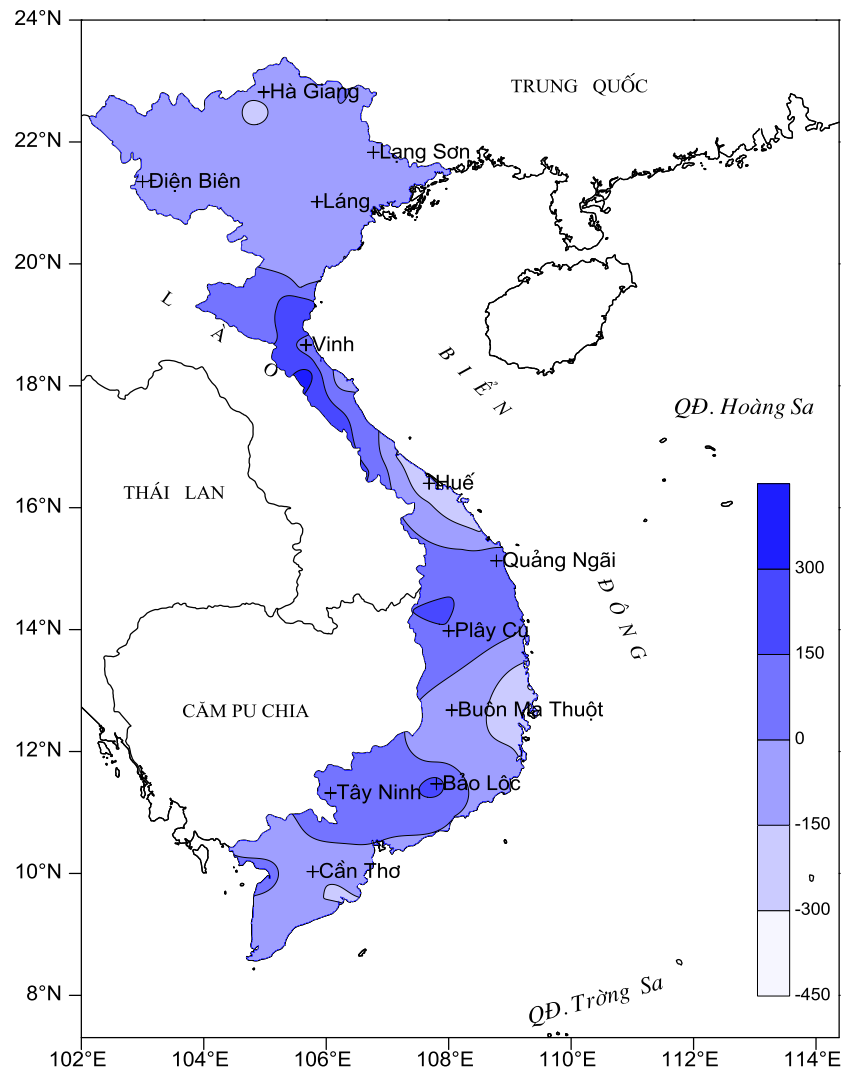
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng XI, XII, I năm 2015/2014;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng XI năm 2015 các khu vực trên phạm vi cả nước;

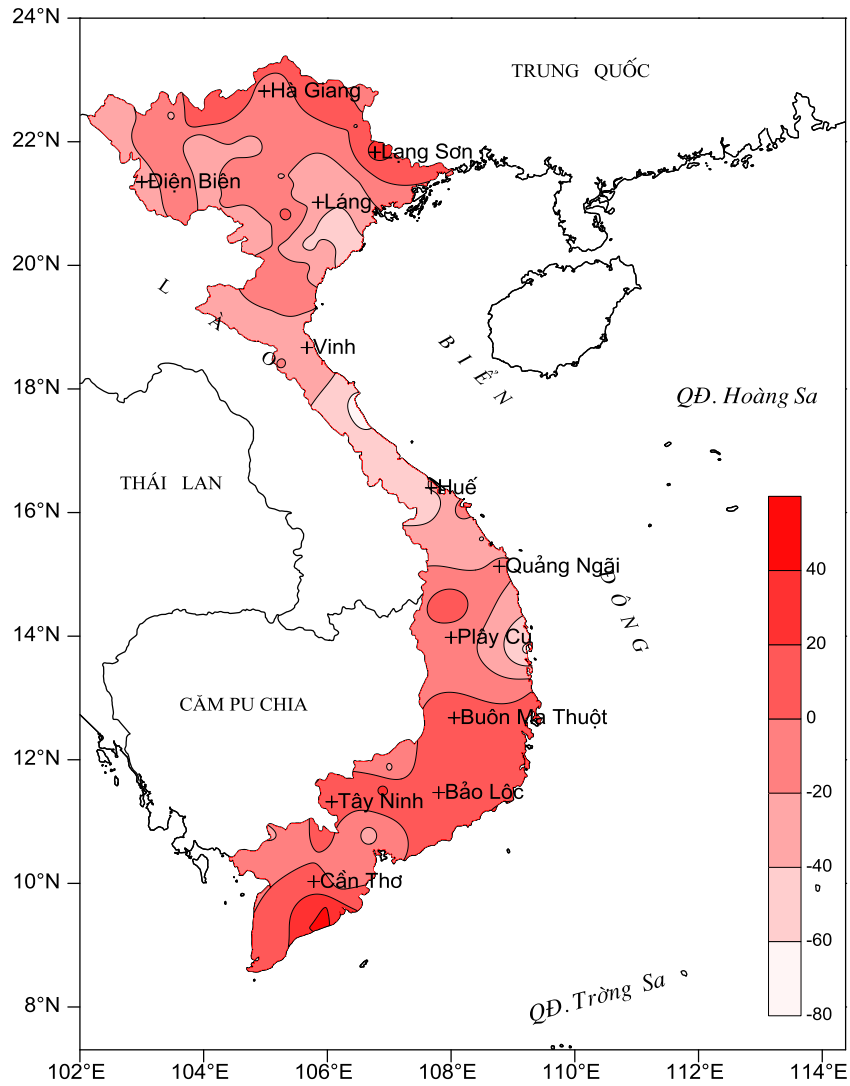
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng X năm 2015 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



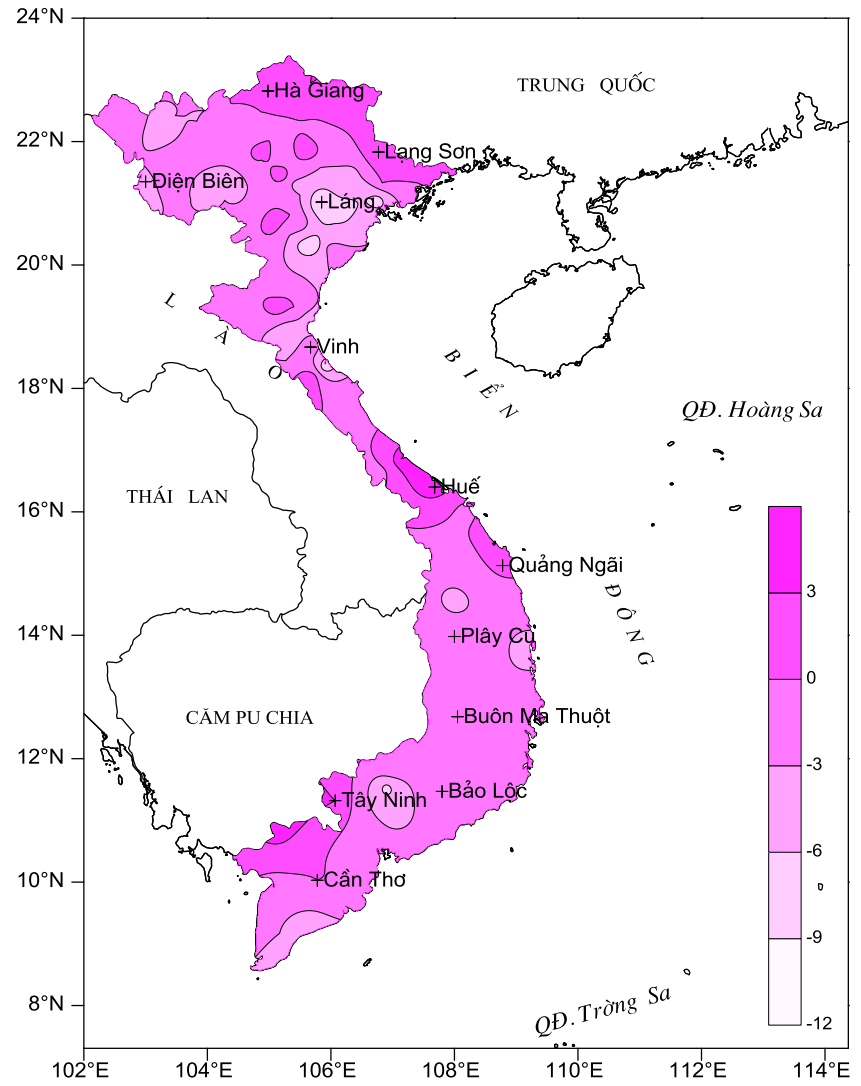
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng X/2015 so với TBNN (°C)



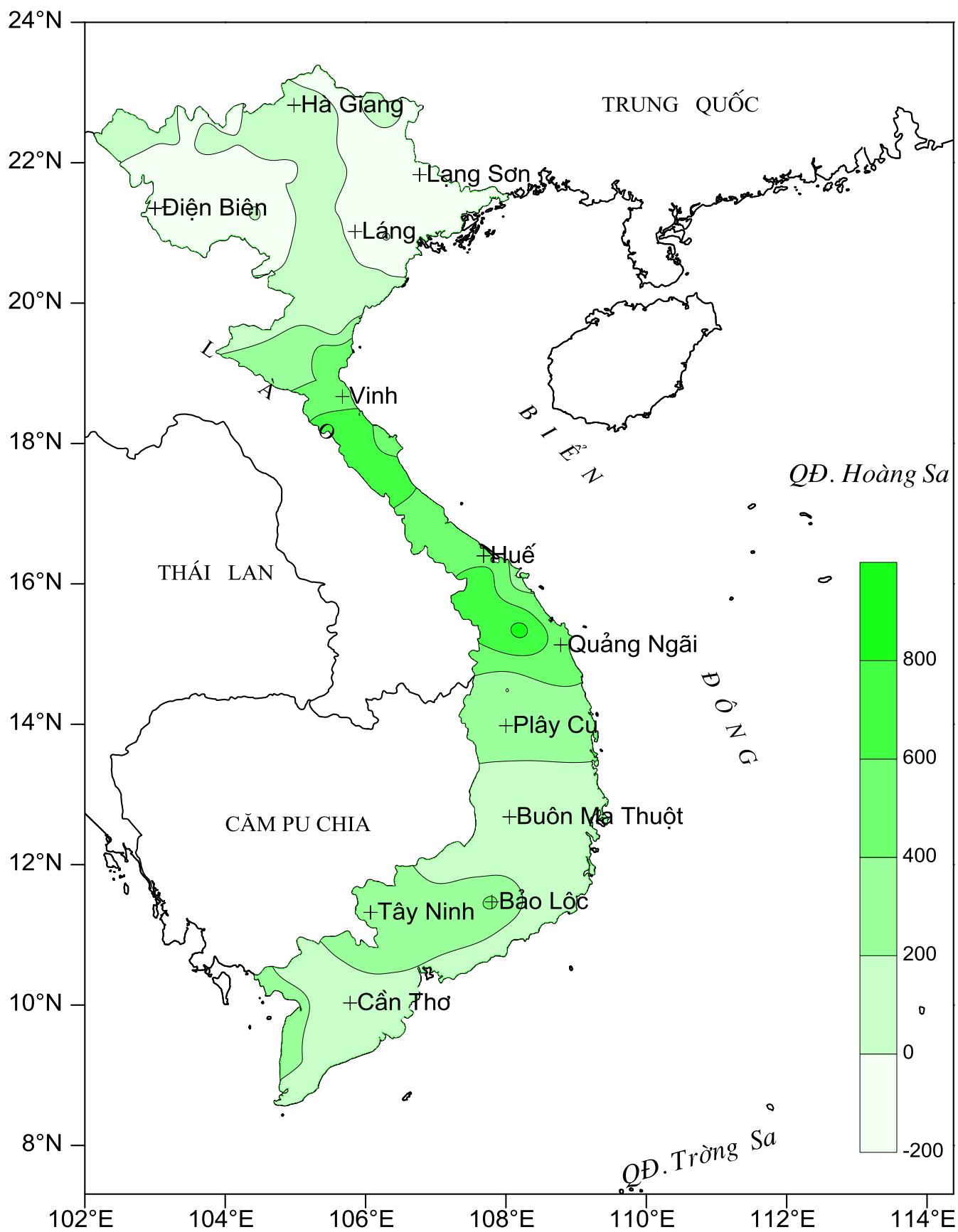
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng X/2015 so với TBNN (mm)



**Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng X/2015 so với TBNN (giờ)**



**Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng X/2015 so với TBNN (%)**



**Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng X/2015 (mm)**